

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10/6/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi

con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Xuân Chung;

- Ông Nguyễn Văn Chấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thanh Hà – Thẩm tra viên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1995 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn C, sinh năm 1988 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C kết hôn ngày 26/12/2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L.

Sau khi cưới, chị và anh C về ở với nhau ngay, hai người sống hạnh phúc một thời gian và đã có 02 con chung là:

- Dương Thị Khánh A, sinh ngày 02/02/2016;

- Dương Đình N, sinh ngày 01/11/2018.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị và anh C bất đồng quan điểm, anh C không quan tâm đến gia đình, thường xuyên uống rượu, hay đánh đập chị, có lần anh C đánh chị, chị đã phải đi bệnh viện; anh C thường xuyên hành hạ chị, do không chịu được sự hành hạ, có lần chị đã uống thuốc sâu tự tử. Mọi người đã khuyên giải anh C, anh C đã xin lỗi, chị chấp nhận vợ chồng đoàn tụ. Nhưng sau đó anh C lại uống rượu và tiếp tục đánh chị. Đến đầu năm 2023 thì chị và anh C chính thức ly thân, không còn quan hệ vợ chồng nữa. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn

- Về con chung: Chị và anh C có 2 con chung như trình bày ở trên, hiện con chung đang ở với anh C. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con Dương Thị Khánh A; để anh C nuôi Dương Đình N, sinh ngày 01/11/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Để chị và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Để chị và anh C tự thỏa thuận giải quyết.

* *Bị đơn anh Dương Văn C trình bày:* Anh công nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và con chung như chị H trình bày là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh nghi ngờ chị H đi làm, có quan hệ với người đàn ông khác, anh đã nhắc nhở chị H, nhưng chị H không nghe; anh có đánh chị H 1-2 lần, sau đó chị H tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 2 con chung như chị H trình bày là đúng. Ly hôn anh xin nuôi cả 2 con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Để anh và chị H tự thỏa thuận.

Về tài sản: Để anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ.

Nguyên đơn xin vắng mặt.

Bị đơn anh Dương Văn C trình bày: Do mâu thuẫn vợ chồng, nên chị H đã tự bỏ về nhà mẹ đẻ ở; anh và chị H sống ly thân từ năm 2023 đến nay không còn quan hệ vợ chồng nữa. Chị H xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 2 con chung là: Dương Thị Khánh A, sinh ngày 02/02/2016 và Dương Đình N, sinh ngày 01/11/2018. Hiện chị H đang nuôi con A, anh đang nuôi con N. Ly hôn anh xin nuôi cả 2 con.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Để anh và chị H tự thỏa thuận, anh không yêu cầu giải quyết.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Các Điều: 28, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Dương Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Dương Thị K An sinh ngày 02/02/2016 cho chị Trần Thị H; giao cháu Dương Đình N sinh ngày 01/11/2018 cho anh Dương Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho các cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị H và anh C được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở anh C, chị H thực hiện quyền này.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị H có đơn xin ly hôn anh Dương Văn C và xin nuôi con chung. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Dương Văn C kết hôn ngày 26/12/2013 trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do sau khi kết hôn một thời gian thì hai bên thấy có nhiều điểm không hợp nhau, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau; đến cuối năm 2023 thì hai người không còn quan hệ vợ chồng nữa và chị H đã quyết định ly thân về nhà mẹ đẻ ở. Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị H và anh C về đoàn tụ. Tuy nhiên chị Hoa cương Q xin ly hôn và từ chối hòa giải đoàn tụ; tại phiên tòa anh C cũng đồng ý ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị H được ly hôn anh C.

[5] Về con chung: Chị H và anh C có 2 con chung là: Dương Thị Khánh A, sinh ngày 02/02/2016 và Dương Đình N, sinh ngày 01/11/2018

Chị H xin nuôi con Dương Thị Khánh A; còn anh C xin nuôi cả 2 con.

Xét thấy: Nuôi con vừa là quyền và nghĩa vụ của cả bố và mẹ. Anh C xin nuôi 2 con là nguyện vọng chính đáng. Tuy nhiên chị H cũng có nguyện vọng nuôi con và hiện nay chị H đang nuôi con A; con A có nguyện vọng muốn ở với chị H. Do đó cần giao con Dương Thị Khánh A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Dương Đình N là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh C tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

Quyền thăm con: Chị H và anh C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H và anh C thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS.

[8] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Báo cho nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Báo cho bị đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 56, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Dương Văn C.

2. Về con chung:

Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Dương Thị Khánh A, sinh ngày 02/02/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Giao cho anh Dương Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Dương Đình N, sinh ngày 01/11/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quyền thăm con chung: Chị Trần Thị H và anh Dương Văn C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H và anh C thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Tiền án phí được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004727 ngày 08/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy Hoa của pháp luật.

Báo cho bị đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Trường Sơn, huyện Lục Nam, BG;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh